TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2024/KDTM-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Vinh

2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/KTST ngày 15/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6584/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 8849/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã M, huyện B, tỉnh L.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Hồ Như H, sinh năm 1995; Địa chỉ: 300 Hùng V, Phường B, thành phố T, tỉnh L (Văn bản ủy quyền số 10/CJ-UQ ngày 22/4/2024).

Bị đơn: Công ty Cổ phần J
Địa chỉ: A409OT01, Tầng 9, Aqua 4, Vinhomes , số 2 T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Hoàng Anh M, sinh năm 1972; Địa chỉ: A8-02 The P, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Hồ Như H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2022, Công ty TNHH C - CN B (sau đây gọi là Công ty C) và Công ty Cổ phần J (sau đây gọi là Công Ty C) có ký kết 01 hợp đồng mua bán thịt heo pha

lóc số 23067/HĐMB-C005768. Theo hợp đồng này, Công ty C với vai trò là bên bán, Công ty J với vai trò là bên mua hàng. Khi Công ty C giao thịt heo pha lóc theo đơn hàng thì Công ty J ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng.

Thời hạn thanh toán được quy định tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng như sau: *"Tiền hàng phát sinh trong tháng, Công ty J sẽ thanh toán vào 2 đợt hàng được giao từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng (tính theo Dương lịch) thì thanh toán vào ngày 25 của tháng giao hàng, hàng được giao từ ngày 16 đến ngày cuối cùng của tháng (tính theo Dương lịch) thì thanh toán vào ngày 10 của tháng kế tiếp liền kề sau tháng giao hàng".* Công ty J sẽ thanh toán tiền hàng trực tiếp vào số tài khoản như sau: Số tài khoản: 0631000501339 Ngân hàng Vietcombank CN L hoặc Số tài khoản 070097318148 Ngân hàng Sacombank CN L (hai số tài khoản này là số tài khoản của Chủ tài khoản Công ty TNHH C - CN B),

Từ ngày 06/01/2023 đến ngày 09/02/2023, Công ty J mua tổng cộng 35,160kg thịt heo pha lóc (đơn giá theo bảng đính kèm) trị giá 13.386.580 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 06/01/2023 đến ngày 30/03/2023 Công ty J mới thanh toán cho Công ty C 1.000.000 đồng. Như vậy, Công ty J còn nợ Công ty C 12.386.580 đồng tiền mua thịt heo pha lóc.

Kể từ ngày 30/03/2023 đến nay, Công ty C đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty J vẫn không trả bất kỳ đồng nào cho Công ty C.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty J phải trả số tiền còn nợ chưa thanh toán của hợp đồng đã ký kết là 12.386.580 đồng.

** Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty TNHH C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần J về yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng còn thiếu. Do đó xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn Công ty TNHH C ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Phạm Hồ Như H trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ nhưng vẫn không có mặt để giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 12.386.580 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần J có ký kết Hợp đồng nguyên tắc

mua bán hàng hóa số 23067/HDDMB – C005768 ngày 21/12/2022 đính kèm Phụ lục số 01 (dành cho hàng pha lóc). Việc giao kết hợp đồng hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần J phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật, do đó quyền, nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C đã cung ứng hàng hóa theo các phiếu giao hàng và xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số 1007 ngày 10/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 1062 ngày 10/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 811 ngày 08/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 566 ngày 06/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 1661 ngày 15/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 2339 ngày 28/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 2561 ngày 31/01/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 3008 ngày 04/02/2023; Hóa đơn giá trị gia tăng số 3528 ngày 09/02/2023. Tổng số tiền hàng là 13.386.580 đồng.

Căn cứ bảng sao kê ngân hàng do nguyên đơn cung cấp xác định bị đơn mới thực hiện thanh toán cho nguyên đơn 02 lần vào ngày 22/3/2023 và ngày 30/3/2023 với số tiền tổng cộng là 1.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại 12.386.580 đồng chưa thanh toán hết là vi phạm nghĩa vụ tại mục 3 Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 23067/HĐMB/HM/CJ – C00576, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C yêu cầu Công ty Cổ phần J thanh toán số tiền hàng còn nợ là 12.386.580 đồng.

[4.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, theo quy định tại mục 3, phụ lục số 01 đính kèm hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa đã được ký kết giữa các bên thì đã quá thời hạn thanh toán mà bị đơn vẫn không thực hiện việc thanh toán đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tiền hàng còn nợ và tiền lãi theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005;

Luật án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

Công ty Cổ phần J có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền còn nợ của Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 23067/HĐMB-C005768 ngày 21/12/2022 được ký kết giữa hai bên là 12.368.580 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần J phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Công ty TNHH C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH C 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2023/0046190 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương